

VẤN ĐỀ TÁI CẤU TRÚC CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

TS. Nguyễn Đại Lai
NHNN Việt Nam

Nội dung chủ đạo của Nghị quyết Trung ương 3 Khóa XI là vấn đề tái cấu trúc nền kinh tế trong bối cảnh hiện nay. Trong đó trọng tâm là tái cấu trúc hệ thống các ngân hàng thương mại (NHTM). Đây là vấn đề vô cùng phức tạp, nhạy cảm và liên quan đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế (cả vĩ mô và vi mô) trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Trong thời gian gần đây, trên các phương tiện thông tin đại chúng đã và đang “nóng” lên các câu hỏi lớn: Tái cấu trúc NHTM Việt Nam gồm những nội dung gì? Tái cấu trúc cho NHTM to lên hay mạnh lên? Số phận của những NHTM nhỏ sẽ ra sao? Liệu có nhân cơ hội này hình thành một số tập đoàn tài chính mạnh quy mô khu vực không? Vai trò của hệ thống ngân hàng trong việc tham gia vào chống lạm phát, giảm lãi suất, ổn định tỷ giá, giá vàng ra sao trong mối quan hệ với việc tái cấu trúc các NHTM? Bài viết này sẽ căn bản bàn về những nội dung rất nóng nói trên.

Tái cấu trúc các NHTM ở nước ta có lẽ đã đến lúc không còn là khẩu hiệu hay tiếp tục chờ thời cơ nữa. Trong bối cảnh thị trường tài chính (TTTC) thế giới biến động khôn lường và TTTC trong nước cũng đã và đang đặt các NHTM vào tình thế tiến thoái lưỡng nan khi một mặt muốn hạ lãi suất, mặt khác lại vẫn muốn lãi suất thực dương trong khi lạm phát vẫn còn ở mức cao. Thị trường chứng khoán - người anh em phân bổ nguồn vốn xã hội của hệ thống NHTM đang nguội lạnh, đẩy sức ép về vốn sang các NHTM làm cho bài toán giảm lãi suất càng khó khăn hơn. Các hiện tượng “lách” trần huy động thông qua huy động vàng, huy động ngoại tệ “lạ” (không phải USD), đầu tư chéo và cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường liên ngân hàng; các hiện tượng vỡ tín dụng đen tràn lan khắp các thành phố trong thời gian cuối năm 2011... là những vấn đề chưa có câu trả lời một cách có hệ thống và chính thống. Tuy nhiên có câu trả lời tổng quát không thể sai là: mọi hiện tượng có thật kể trên dù ở mức độ khác nhau đều có quan hệ trực tiếp đến tình trạng “sức khỏe”, đạo đức cũng như năng

lực quản trị của hệ thống ngân hàng trên lãnh thổ Việt Nam nói chung và các NHTM nói riêng.

Với khuôn khổ một bài báo không thể có lời giải chi tiết cho từng vấn đề trên, song tác giả cho rằng nếu có một hệ thống NHTM khỏe khoắn, hoạt động lành mạnh theo các nguyên tắc thị trường thì tự nó sẽ “đẹp” được và hạn chế được hầu hết các hiện tượng có liên quan đến sự yếu kém hiện tại của hệ thống các ngân hàng đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy một chiến lược bao gồm các lộ trình, có nội dung đủ rõ ràng, minh bạch và thực sự hành động cho quá trình tái cấu trúc ngành Ngân hàng nói chung và hệ thống các NHTM tại Việt Nam nói riêng là rất cần thiết. Muốn vậy, không thể không bắt mạch, nhìn thẳng vào sự thật các bệnh tật, bày tỏ quan điểm rõ ràng từ phía Chính phủ và cơ quan quản lý ngành về nội hàm tái cấu trúc ngành Ngân hàng Việt Nam là gì. Lẽ ra vấn đề này đã được triển khai từ năm 2006, khi Bộ Chính trị đã có kết luận và giao cho thường trực Ban Bí thư ra Thông báo 191-TB/TW ngày

01/9/2005 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về mục tiêu, giải pháp phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và ngay sau đó Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định 112/2006/QĐ-TTg ngày 24/5/2006 về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Trong đó, các mục tiêu bao trùm của đề án này là:

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) để hình thành bộ máy tổ chức tinh gọn, chuyên nghiệp, có đủ nguồn lực, năng lực xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ (CSTT) theo nguyên tắc thị trường dựa trên cơ sở công nghệ tiên tiến, thực hiện các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động Ngân hàng Trung ương (NHTW), hội nhập với cộng đồng tài chính quốc tế, thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, đồng thời tạo nền tảng đến sau năm 2010 phát triển NHNN trở thành NHTW hiện đại, đạt trình độ tiên tiến của các NHTW trong khu vực châu Á.

- Xây dựng và thực thi có hiệu quả CSTT nhằm ổn định giá trị đồng tiền, kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Điều hành tiền tệ, lãi suất và tỷ giá hối đoái theo cơ chế thị trường thông qua sử dụng linh hoạt, có hiệu quả các công cụ CSTT gián tiếp. Ứng dụng công nghệ thông tin, mở rộng nhanh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng. Nâng dần và tiến tới thực hiện đầy đủ tính chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam. CSTT tạo điều kiện huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực tài chính. Kết hợp chặt chẽ CSTT với chính sách tài khóa để định hướng và khuyến khích công chúng tiết kiệm, đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh.

- Cải cách căn bản, triệt để và phát triển toàn diện hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) theo hướng hiện đại, hoạt động đa năng để đạt trình độ phát triển tiên tiến trong khu vực ASEAN với cấu trúc đa dạng về sở hữu, về loại hình TCTD, có quy mô hoạt động lớn hơn, tài chính lành mạnh, đồng thời tạo nền tảng đến sau năm 2010 xây dựng được hệ thống các TCTD hiện đại, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực châu Á, đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng, có khả năng cạnh tranh với các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới. Bảo đảm các TCTD, kể cả các TCTD có sở hữu nhà nước hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc thị trường.

- Phát triển hệ thống TCTD hoạt động an toàn và hiệu quả vững chắc dựa trên cơ sở công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến, áp dụng thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động NHTM. Phát triển các TCTD phi ngân hàng để góp phần phát triển hệ thống tài chính đa dạng và cân bằng hơn. Phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là huy động vốn, cấp tín dụng, thanh toán với chất lượng cao và mạng lưới phân phối phát triển hợp lý nhằm cung ứng đầy đủ, kịp thời, thuận tiện các dịch vụ, tiện ích ngân hàng cho nền kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hình thành thị trường dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là thị trường tín dụng cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các loại hình TCTD, tạo cơ hội cho mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu hợp pháp, đủ khả năng và điều kiện được tiếp cận một cách thuận lợi các dịch vụ ngân hàng, ngăn chặn và hạn chế mọi tiêu cực trong hoạt động tín dụng.

- Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống ngân hàng. Tách bạch triệt để tín dụng chính sách và tín dụng thị trường trên cơ sở phân biệt chức năng cho vay của ngân hàng chính sách với chức năng kinh doanh tiền tệ của NHTM. Bảo đảm quyền tự chủ,



tự chịu trách nhiệm của TCTD trong kinh doanh. Tạo điều kiện cho các TCTD trong nước nâng cao năng lực quản lý, trình độ nghiệp vụ và khả năng cạnh tranh. Bảo đảm quyền kinh doanh của các ngân hàng và các tổ chức tài chính nước ngoài theo các cam kết của Việt Nam với quốc tế. Gắn cải cách ngân hàng với cải cách doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục củng cố, lành mạnh hóa và phát triển các ngân hàng cổ phần; ngăn ngừa và xử lý kịp thời, không để xảy ra đổ vỡ ngân hàng ngoài sự kiểm soát của NHNN đối với các TCTD yếu kém. Đưa hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân đi đúng hướng và phát triển vững chắc, an toàn, hiệu quả.

Như vậy, lẽ ra phải đổi mới mô hình NHNN trước, biến NHNN thành NHTW theo hướng hiện đại từ sau năm 2010. Hai luật mới về ngân hàng ban hành năm 2010 tuy đã đi theo hướng này song vẫn dựa trên mô hình cũ: vị thế, tính độc lập và cơ cấu tổ chức của NHNN... vẫn cơ bản như cũ hoặc thay đổi cách diễn đạt nội dung cũ. Thậm chí NHNN vẫn chỉ là cơ quan “thực hiện CSTT” chứ không có chức năng quyết định CSTT (Điều 10, Luật NHNN, 2010). Thống đốc vẫn là thành viên Chính phủ. Do vậy việc tái cấu trúc ngành Ngân hàng có lẽ phải nằm trong một chiến lược trung và dài hạn để sao cho NHTW phải là ngân hàng của các ngân hàng trong hầu hết các quyền năng như: tái cấp vốn; thay đổi quy mô tín dụng; lan tỏa lãi suất; mua lại, tổ chức cơ cấu lại hệ thống NHTM, thu hẹp hay mở rộng hệ thống của chính mình... Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước về tiền tệ, thanh toán và ngân hàng, thì NHNN vẫn có thể đề xuất với Chính phủ các phương án cơ cấu lại hệ thống NHTM theo hướng: minh bạch hóa, lành mạnh hóa và thị trường hóa một cách có tổ chức. Trong bài này sẽ đề cập tới những nét cơ bản của ba nội dung đó như sau:

Một là, cơ cấu lại hệ thống NHTM theo hướng minh bạch hóa. Nội hàm của vấn đề này chủ yếu là làm rõ thực chất sức mạnh hiện nay của các NHTM trên các lĩnh vực thể hiện qua bảng cân đối tài sản: từng NHTM phải báo cáo chi tiết cho Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng toàn bộ giá trị sổ sách các bên tài sản nợ và tài sản có (TSC) (chi tiết các khoản phải trả và các khoản phải thu) cũng như các khoản đầu tư liên doanh, liên kết, lập các công ty con và các loại quỹ... để phân biệt minh bạch và định giá lại giá trị tài sản ròng trên sổ sách một cách rõ ràng, dễ hiểu. Trong đó cần một bản thuyết minh về các nguồn đã có, cũng như các nguồn dự kiến khả thi để xử lý các khoản nợ xấu theo các mức độ, kể cả phương án tạo nguồn để xử lý các khoản nợ ở mức mất vốn. Theo đó, cơ cấu lại NHTM, trước hết là đánh giá lại toàn bộ giá trị tài sản ròng trên sổ sách một cách minh bạch để cơ quan quản lý phân nhóm sức khỏe theo tiêu chí NHTM mạnh, yếu khác nhau, ngân hàng có năng lực cung ứng loại dịch vụ gì và không đủ sức cung ứng loại dịch vụ nào, sở trường, khách hàng truyền thống từng NHTM ra sao... chứ không phải phân loại theo tiêu chí NHTM to nhỏ khác nhau. Giá trị còn lại $C = \text{giá trị tài sản cố định sau khấu hao} + (\text{các khoản phải thu} - \text{các khoản phải trả}) + \text{các quỹ chưa chia}$ (Nguyễn Đại Lai, 2004).

Hai là, cơ cấu lại NHTM theo hướng lành mạnh hóa. Nội dung cốt lõi của vấn đề này là làm sạch bảng tổng kết tài sản của từng NHTM sau khi đã minh bạch hóa thực chất mức độ mạnh, yếu của từng NHTM. Căn cứ các tiêu chí xác định độ an toàn theo Basel 1 hoặc Basel 2 về các tiêu chí: hệ số an toàn vốn tự có ($CAR \geq 8\%$), tỷ lệ nợ xấu từ nhóm 3 đến nhóm 5 $\leq 3\%$ dư nợ, dư nợ từng lĩnh vực theo quy định của NHNN (NHNN, 2005), tỷ lệ lợi nhuận trên TSC (ROA) và tỷ lệ lợi nhuận trên vốn tự có (ROE) trong ba năm liên tục để tiếp tục công bố các giải pháp lành mạnh hóa toàn bộ các NHTM. Từ

đây, những NHTM nào đã đưa ra giải pháp nhưng sau một khoảng thời gian xác định vẫn không thể thực hiện được chương trình lành mạnh hóa bằng cách tự mình thay đổi cấu trúc sở hữu, không tìm được bên thứ ba bảo lãnh... thì nhất thiết phải có sự can thiệp của NHNN bằng các cách: thay đổi cơ cấu lãnh đạo của NHTM; chuyển sang đối tượng bị quản lý theo tình trạng đặc biệt; chuyển đổi cơ cấu thành phần sở hữu ngoài NHNN; chuyển đổi danh mục dịch vụ được phép cung ứng theo hướng phù hợp với năng lực quản trị kinh doanh và sản phẩm sở trường của NHTM; dàn xếp các cuộc mua bán (M&A) giữa các định chế tài chính (ĐCTC) trong nước; dàn xếp các thương vụ M&A NHTM giữa các ĐCTC trong nước với ĐCTC nước ngoài; trong trường hợp khẩn cấp, NHNN trực tiếp tham gia vào một bên mua lại cuối cùng đối với NHTM bị cơ cấu lại sở hữu sau các phương án đã đưa ra.

Ba là, quá trình cơ cấu lại phải tôn trọng quy luật thị trường có tổ chức và dựa vào thị trường. Theo đó mọi thương vụ M&A phải tuân thủ các thủ tục phù hợp thông lệ quốc tế và điều kiện TTTC Việt Nam. Các thủ tục này cần phải công khai hóa bằng văn bản nhà nước có thẩm quyền làm dẫn chiếu thống nhất cho các bên tham gia thị trường M&A các NHTM trong quá trình cơ cấu lại. Những nội dung chính thể hiện trong văn bản quy định này phải hướng tới sự minh bạch thị trường và bảo vệ quyền lợi chính đáng - nhất là quyền lợi của người gửi tiền, của các bên liên quan khác trong quá trình cơ cấu lại NHTM. Trong đó, nếu phải cơ cấu lại sở hữu thì nên phải bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Quy định mọi hoạt động của NHTM bị cơ cấu lại toàn bộ sở hữu vẫn phải hoạt động bình thường bởi một ban lãnh đạo lâm thời do Thống đốc NHNN chỉ định, tính từ thời điểm công bố định giá lại và hạch toán riêng các phát sinh mới. Những quy định về định giá lại giá trị NHTM bị bán từ “giờ

G” nào đó phải tôn trọng hiện trạng theo giá sổ sách và thuộc trách nhiệm của ban lãnh đạo cũ sau khi đã bàn giao chức năng điều hành các phát sinh mới cho ban lãnh đạo lâm thời. Sau khi sàng lọc để công khai minh bạch rõ ràng các khoản phải thu và những khoản phải trả theo các danh mục có địa chỉ đích danh, phải phân loại rõ nhóm TSC tốt và nhóm TSC xấu (Ví dụ: TSC tốt chiếm 60%, TSC xấu theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ở tình trạng khó thu hồi ngay và không thể thu hồi chiếm 40% so tổng giá trị sổ sách còn lại).

- Chỉ định hoặc quy định quyền, nghĩa vụ của ĐCTC đóng vai trò tiếp quản các tài sản là TSC tốt để chứng khoán hóa trước khi bán cho các bên thứ ba trên thị trường chứng khoán (giả sử giá của các TSC tốt là 95% = 0,95 giá trị còn lại đến thời điểm tiếp quản, tức là giảm mất 5% là lãi chưa thu và chi phí mua bán); cũng trong bước này cần chỉ định công ty mua bán nợ (AMC) của nhà nước đứng ra tiếp quản khoản TSC xấu (giả sử với giá 30% so với giá trị còn lại trên sổ sách lúc tiếp quản, tức là giảm mất 70% do không có khả năng thu hồi ngay trong trung hạn hoặc không thể thu hồi). ĐCTC tiếp quản các TSC tốt sẽ tiếp quản luôn giá trị thu hồi TSC xấu (như đã giả sử là 30% giá trị TSC xấu).

- ĐCTC tiếp quản sẽ tổ chức định giá lại theo thị giá thị trường tại thời điểm chuẩn bị “lên sàn”. Giá trị thị trường theo các giả định nói trên và các giá trị mới xuất hiện sẽ cơ bản bao gồm:

- + Giá trị còn lại trên sổ sách: $60\% \times 0,95 + 40\% \times 0,3 = 0,69$ so với giá trên sổ sách của NHTM bị bán (giả sử giá trị này chỉ đạt 60% so tổng các khoản phải trả, mà chủ yếu là tiền gửi, tức là “âm 40%” so với tổng giá trị các khoản phải trả tại thời điểm bán NHTM này).

- + Các khoản mới phát sinh do định giá lại theo thị giá gồm: giá trị NHTM do tiết kiệm

chi phí xây dựng hệ thống mới (giả sử đạt 40% so với giá trị còn lại trên sổ sách); giá trị thương hiệu, do được hoạt động dưới tên mới, logo mới hoặc trong một tập đoàn tài chính mới (giả sử đạt 40%); giá trị gia tăng do định giá lại giá trị tài sản cố định sau khấu hao của hệ thống cũ (giả sử đạt 30%); giá trị gia tăng khác nhờ môi trường minh bạch mà giá trị chung của các NHTM gia tăng (giả sử đạt 20%).

Tổng các khoản trên dự kiến sẽ đạt sau khi định giá lại theo giá thị trường dự kiến trước khi lên sàn, thì giá “IPO” hoặc “tái IPO” của NHTM bị bán theo các giả định trên sẽ là:

$G = 0,69 + 0,4 + 0,4 + 0,3 + 0,2 = 1,99$ lần so với giá trị còn lại ròng của các khoản phải thu trên sổ sách. Sau khi “trừ” khoản “âm 40%”, còn lại 1,59 (tức là $10.000 \times 1,59 = 10.590$ đồng/cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng). Đây chính là giá “IPO” hoặc “tái IPO” chào bán trên thị trường chứng khoán cho tất cả các bên thứ ba. Tổng số cổ phiếu bán ra chính là tổng giá trị IPO / (10.000 x 1.59) đồng/cổ phiếu. Sau khi bán hết (nếu thông tiền khoáng hậu), ĐCTC mua lại chính là chủ nợ mới theo kỳ hạn, theo mọi nghĩa vụ đối với bên sở hữu các khoản phải trả (chủ yếu là người gửi). ĐCTC mua lại cũng có thể chính là NHTM đang chịu sự quản trị của ban lãnh đạo lâm thời do NHNN chỉ định ban đầu, cũng có thể là một ĐCTC có uy tín đang hoạt động khác. Quá trình “bán” có thể tùy vào thị giá, tuy nhiên nếu quá xấu đến mức không thể bán được so với mệnh giá, vẫn có thể phải bán dưới mệnh giá. Trong trường hợp xấu nhất buộc: công ty bảo hiểm tiền gửi (BHTG), NHNN, các ĐCTC có uy tín khác phải lần lượt mua lại theo giá cuối cùng cho tới khi đủ để “bù” lỗ khoản âm 40% do chênh lệch giữa các khoản phải thu với các khoản phải trả theo sổ sách. Đảm bảo không để lại hậu quả cho người gửi tiền và không để những bên góp vốn ban đầu bị thiệt thòi quá mức như khi bị phá sản. Trên thực tế hầu như không xảy ra tình trạng này.

- Công ty mua bán nợ (AMC) sau khi mua lại các khoản TSC xấu với giá bình quân thấp (như trên giả sử là 30%), sẽ tiến hành cơ cấu lại thời hạn, tìm đối tác và cũng tiến hành bán lại hoặc thu hồi dần qua phát mại, sẽ tạo nên những khoản lãi nhờ thời hạn, nhờ phương thức thu nợ và nhờ cả sự bảo vệ uy tín của chính các bên có nghĩa vụ trả nợ để làm ăn sau khi “đứng dậy”... Do đó hầu hết các công ty AMC trên thế giới đều không bị lỗ sau khi mua các khoản nợ xấu từ trong quá trình thanh lý hoặc cơ cấu lại sở hữu các NHTM. Ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, công ty AMC nên là một công ty của nhà nước để tránh tình trạng chuyển giá cho “sân sau” trong quá trình cơ cấu lại NHTM. Khi môi trường TTTC Việt Nam lành mạnh hơn, hoạt động kiểm toán minh bạch hơn thì AMC không nhất thiết và không nên là AMC của nhà nước.

- Kèm với các bước và quy trình nêu trên là các quy định nghiêm ngặt về giám sát, thanh tra theo các tiêu chí phải có đối với mọi ĐCTC muốn tiếp tục tồn tại và phát triển trên TTTC - tiền tệ Việt Nam. Đó chính là các quy định theo thông lệ quốc tế của Basel 2, tiến tới Basel 3 cũng như các quy định về kinh doanh có điều kiện, kinh doanh trong phạm vi những sản phẩm được ghi cụ thể trong giấy phép tùy theo năng lực quản trị kinh doanh và sản phẩm truyền thống đối với từng ĐCTC có quy mô, uy tín, sở trường khác nhau và theo tiêu chuẩn “sức khỏe” quốc gia được đo bằng các hệ số an toàn hoạt động.

- Nhân cơ hội tái cấu trúc hệ thống các NHTM Việt Nam theo các nguyên tắc thị trường có tổ chức, tác giả thiết nghĩ đây cũng là cơ hội vàng để các NHTM quy mô nhỏ và vừa cùng tự nguyện tìm đến nhau hình thành nên nhóm liên kết và cùng tìm ra cho “nhóm mình” một NHTM mạnh để tôn lên làm NHTM trung tâm và cùng hoạt động theo mô hình “các ngân hàng vệ tinh xung quanh ngân hàng trung tâm”. Kiểu mô

hình nhóm liên kết ở Canada để cùng đưa ra chiến lược “buôn có bạn, bán có phường” theo các cam kết về chia sẻ nguồn lực, thị trường, sản phẩm, thông tin, lập quỹ ứng cứu... trong phạm vi nhóm. Cũng có thể coi đây là cơ hội vàng để một số NHTM vừa và nhỏ cùng “hùn vốn” và tôn vinh một NHTM mạnh đứng ra làm Công ty mẹ - Holding Commercial, hình thành tập đoàn tài chính mà trong đó các NHTM “con” vẫn là những NHTM độc lập, nhưng cùng có chung “một mẹ”, có cùng logo, cùng tôn chỉ mục đích, cùng chung chiến lược phát triển thị trường và quy chế hoạt động của tập đoàn, tạo ra sân chơi chung có kỷ cương nghiêm ngặt, được ban hành bởi hội đồng tập đoàn và phát huy trí tuệ tập thể của các thành viên, tương hỗ nhau, phát huy tối đa sở trường, thị trường của từng NHTM con trong tập đoàn và có chung một cơ chế phân phối lợi ích cả định lượng và định tính... theo đúng mô hình tập đoàn tài chính hiện đại của thế giới.

Tóm lại, để góp phần lành mạnh hóa TTTC Việt Nam, đưa các giá trị thị trường về đúng quy luật hình thành của chúng thì không thể không tái cơ cấu lại hệ thống NHTM Việt Nam - hiện là một hệ thống đang kiểm soát một tổng dư nợ nền kinh tế lên tới 125 % GDP và can dự vào hầu hết các lĩnh vực, các ngành của nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên không thể chỉ dừng lại ở cơ cấu lại các NHTM, mà trong chiến lược trung và dài hạn cần và rất cần tái cơ cấu lại đồng bộ và toàn diện TTTC Việt Nam, trong đó bao gồm cả các thiết chế quản trị trên TTTC như: NHNN, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Kho bạc Nhà nước... một cách lành mạnh, minh bạch và hướng theo quy luật thị trường có tổ chức. Việc cơ cấu lại TTTC nói chung và NHTM nói riêng tuy khó, mang tính nhạy cảm cao, nhưng không thể không làm; không thể tiếp tục chần chừ, bỏ lỡ cơ hội và trên thực tế cũng sẽ không thể không vượt qua nếu có những thiết chế minh bạch về quan điểm, thái độ

quyết tâm chính trị cao trước khi có quy chế minh bạch, kiên quyết cho việc tái cấu trúc lại TTTC Việt Nam, trước hết là tái cấu trúc hệ thống các NHTM. Với ý nghĩa đó, tác giả tin tưởng công cuộc tái cấu trúc TTTC nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng sẽ rất thành công ở Việt Nam vì đã có tiền lệ, đã có kinh nghiệm trong nước cũng như bài học thế giới và nhất là thời cơ đã chín, bối cảnh kinh tế - xã hội đã thúc đẩy[■]

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết Trung ương 3 Khóa XI.
2. Thông báo 191-TB/TW, ngày 01/9/2005 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
3. Quyết định 112/2006/QĐ-TTg ngày 24/5/2006 về việc phê duyệt đề án phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến 2020.
4. Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các Tổ chức Tín dụng 2010
5. Ngân hàng Nhà nước (2005). Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 về việc qui định phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.
6. Nguyễn Đại Lai (2004). Luận giải về phương pháp định giá ngân hàng thương mại nhà nước trong quá trình cổ phần hóa. Tạp chí Kinh tế và Dự báo - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 9/2004.